

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG MN HƯỚNG DƯƠNG 2

Số: 281/MNHD2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Chánh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

Về việc báo cáo đánh giá thực hiện dự toán
thu chi ngân sách quý 2/2023

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Bình Chánh.

Trường Mầm non Hướng Dương 2 gửi báo cáo đánh giá thực hiện dự toán thu chi ngân sách theo các mẫu biểu đính kèm, như sau:

1. Đánh giá thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 2/2023.
2. Quyết định công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 2/2023.

Trường Mầm Non Hướng Dương 2 chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung báo cáo trên. Kính gửi Phòng Tài chính Kế hoạch tổng hợp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.



Đương Thị Uyên Thi

Số: 282/QĐ-MNHD2

Bình Chánh, ngày 12 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai ngân sách quý 2 năm 2023
của trường Mầm non Hướng Dương 2

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG 2

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 13339/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bình chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2023 cho trường Mầm Non Hướng Dương 2;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu ngân sách quý 2 năm 2023 của trường Mầm Non Hướng Dương 2 (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Toàn thể CB-CNV-VC của đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- P.TCKH (để báo cáo);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đương Thị Uyên Thi

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1,1	Lệ phí				
1,2	Phí				
1.3	Thu sự nghiệp	8.469.245.000	2.161.813.300	26%	
1.31	Thu học phí	530.820.000	488.560.000	0%	
1.32	Thu thỏa thuận	3.660.435.000	859.415.000	23%	
	Anh văn	319.410.000	75.845.000	24%	
	Nhịp điệu	228.150.000	54.175.000	24%	
	Vẽ	228.150.000	54.175.000	24%	
	Phục vụ bán trú	1.617.300.000	402.420.000	25%	
	NQ04	518.400.000	122.300.000	24%	
	Vệ sinh bán trú	115.425.000	28.420.000	25%	
	Thiết bị bán trú	115.200.000	200.000	0%	
	Công phục vụ ăn sáng	518.400.000	121.880.000	24%	
1.3.3	Thu hộ	4.275.990.000	813.495.000	19%	
	Ăn sáng	1.036.800.000	598.620.000	58%	
	Ăn trưa	3.048.300.000	196.530.000	6%	
	Nước uống học sinh	77.760.000	18.345.000	24%	
	Học phẩm	113.130.000	-	0%	
1.3.4	Thu khác	2.000.000	343.300	17%	
	Lãi Ngân Hàng	2.000.000	343.300	17%	
3.3	Chi học phí	-	152.941.948	0%	
3.4	Chi sự nghiệp	7.938.425.000	2.065.746.046	26%	
3.4.1	Chi thỏa thuận	3.660.435.000	897.352.163	25%	
	Tiếng Anh	319.410.000	108.255.000	34%	
	Nhịp điệu	228.150.000	80.472.200	35%	
	Vẽ	228.150.000	75.877.500	33%	
	Phục vụ bán trú	1.617.300.000	380.808.782	24%	
	NQ04	518.400.000	119.615.636	23%	
	Vệ sinh bán trú	115.425.000	32.477.500	28%	
	Thiết bị bán trú	115.200.000	-	0%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
	Công phục vụ sáng	518.400.000	99.845.545	19%	
3.4.2	Chi hộ	4.275.990.000	1.168.154.683	27%	
	Ăn sáng	1.036.800.000	843.119.567	81%	
	Cơm bán trú	3.048.300.000	286.451.116	9%	
	Nước uống học sinh	77.760.000	38.584.000	50%	
	Học phẩm	113.130.000	-	0%	
3.4.3	Chi khác	2.000.000	239.200	12%	
	Lãi Ngân Hàng	2.000.000	239.200	12%	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.098.401.000	2.323.832.084	23%	
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học				
2,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.639.684.000	2.210.737.500	23%	
Mục 6000	Lương:	1.848.970.800	465.820.414	25%	
6001	Lương theo ngạch bậc được duyệt	1.848.970.800	465.820.414	25%	
Mục 6100	Phụ cấp	1.498.307.792	360.761.999	24%	
6101	Chức vụ	50.064.000	11.845.503	24%	
6112	PC ưu đãi nghề	740.024.016	161.072.992	22%	
6113	PC trách nhiệm	2.000.000	447.000	22%	
6115	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	197.334.408	54.991.081	28%	
6116	Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	508.885.368	132.405.423	26%	
Mục 6300	Các khoản đóng góp:	702.714.168	125.371.827	18%	
6301	Bảo hiểm xã hội	527.035.632	93.361.999	18%	
6302	Bảo hiểm y tế	93.006.288	16.004.914	17%	
6303	Kinh phí công đoàn	41.336.124	10.669.943	26%	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	41.336.124	5.334.971	13%	
Mục 6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân:	3.543.433.000	910.548.681	26%	
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	-			
6449	Hỗ trợ chế độ mầm non NQ04	467.700.000	114.300.000	24%	
6449	+ Chế độ thu nhập tăng thêm (theo Nghị quyết 03) nguồn 14	3.075.733.000	796.248.681	26%	
Mục 6500	Thanh toán Dịch vụ công cộng:	348.000.000	81.294.495	23%	
6501	Thanh toán tiền điện	180.000.000	37.278.835	21%	
6502	Thanh toán tiền nước	168.000.000	44.015.660	26%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
6504	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	-	-	0%	
Mục 6550	Vật tư văn phòng :	70.000.000	3.600.000	5%	
6551	Văn phòng phẩm	48.000.000	3.600.000	8%	
6552	Mua sắm công cụ,dụng cụ văn phòng	20.000.000		0%	
6599	Vật tư văn phòng khác	2.000.000		0%	
Mục 6600	Thông tin, truyền tin, liên lạc:	23.000.000	4.101.600	18%	
6601	Cước phí điện thoại trong nước	1.800.000	39.600	2%	
6605	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp, cước Internet; thuê đường truyền mạng cáp	4.800.000	462.000	10%	
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách báo tạp chí thư viện	6.000.000		0%	
6618	Khoản điện thoại	10.400.000	3.600.000	35%	
Mục 6650	Hội nghị	35.000.000	-	0%	
6699	Chi phí khác	35.000.000		0%	
Mục 6700	Công tác phí:	25.200.000	6.300.000	25%	
6701	Tiền vé máy bay, tàu xe				
6702	Phụ cấp công tác phí				
6703	Tiền thuê phòng ngủ				
6704	Khoản công tác phí	25.200.000	6.300.000	25%	
Mục 6750	Chi phí thuê mướn;	462.358.000	133.309.000	29%	
6751	Thuê phương tiện vận chuyển	-			
6757	Thuê lao động trong nước	-		0%	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	-	-		
6799	Chi phí thuê mướn khác	462.358.000	133.309.000	29%	
Mục 6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ phục vụ CT	415.000.000	3.500.000	1%	
	đầu tư, bảo dưỡng các công trình CSHT:				
6907	Nhà cửa	240.000.000		0%	
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin		3.500.000	0%	
6913	Tài sản và các thiết bị văn phòng			0%	
6914	Máy Fax				
6916	Máy bơm nước				
6917	Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy tính				
6921	Đường điện, cấp thoát nước	20.000.000		0%	
6949	Các TSCĐ và công trình hạ tầng cơ sở khác	20.000.000		0%	
6999	Tài sản và thiết bị khác	135.000.000			
Mục 7000	Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành:	208.983.240	-	0%	
7001	Chi mua hàng hóa vật tư dùng cho CM...	93.000.000		0%	
7012	Chi thanh toán hợp đồng thực hiện nghiệp vụ chuyên môn	40.000.000		0%	
7049	Chi phí khác	72.383.240		0%	
7053	Mua phần mềm bảo trì công nghệ	3.600.000		0%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
Mục 7750	Chi khác:	-	3.034.900	0%	
7799	Chi các khoản khác		3.034.900	0%	
Mục 7950	Chi lập các quỹ của đơn vị	-	-		
7952	Chi lập quỹ phúc lợi của đơn vị				
7953	Chi lập quỹ khen thưởng của đơn vị				
7954	Chi lập quỹ PTHĐSN của đv	-		0%	
Mục 9100	SC lớn TSCĐ phục vụ công tác chuyên môn				
9107	Nhà cửa				
9149	Các TSCĐ				
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	458.717.000	113.094.584	0%	
Mục 6100	Phụ cấp	458.717.000	113.094.584	0%	
6105	Phụ cấp thêm giờ	391.316.000	105.294.584	0%	
6112	Chi phụ cấp đặc biệt của ngành (khuyết tật)	50.751.000		0%	
6116	Chi phụ cấp đặc biệt của ngành			0%	
6157	Chi phí học tập	5.400.000	3.000.000	0%	
6199	Các khoản hỗ trợ khác	7.200.000	4.800.000	0%	
6449	Chi khác	-		0%	
7001	Chi mua hàng hóa vật tư dùng cho CM...			0%	
7766	Cấp bù học phí	4.050.000		0%	

KẾ TOÁN



Nguyễn Ngọc Ái Vân

Ngày 12 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Uyên Thi